TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DSST
Ngày: 28-6-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
Và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn;**
2. Ông **Nguyễn Hồng Quân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2016/TLST-DS ngày 14/11/2016; về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS, ngày 31/5/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị A, sinh năm 1956 (vợ ông H, Có mặt).
2. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1982 (con ông H);
3. Chị Huỳnh Thị Huỳnh H1, sinh năm 1985 (con ông H, có đơn xin vắng);
4. Anh Huỳnh Tấn N1, sinh năm 1988 (con ông H, có mặt);
5. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1981 (con ông H, có đơn xin vắng);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ủy quyền của chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1982 có ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1954; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2017).

6. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1960 (chị bà K, Có mặt).

7. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1970 (em bà K, có đơn xin vắng);
8. Chị Lê Thị O, sinh năm 1968 (cháu bà K, có đơn xin vắng);
9. Anh Lâm Văn Đ2, sinh năm 1986 (cháu bà K, có đơn xin vắng);
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/7/2017 và ngày 06/4/2018 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Trước đây ông C cưới bà Nguyễn Thị H2 (chết), ông C và bà H2 có 03 người con tên Lê Thị Đ, Lê Văn H3 (có vợ tên Văn Thị V anh H3, chị V, đều chết có 01 người con tên Lê Thị O), Lê Văn V1 (chết năm 21 tuổi không có vợ con), sau đó ông C cưới bà Tô Thị N2 (chết) có 02 người con tên Lê Thị K và Lê Thị Đ1, ông C không có con nuôi và con riêng.

Ông C (cha bà) có sử dụng thửa 1135, diện tích 640m^2 (thực đo 822,9m^2) tờ bản số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông C đứng tên và sử dụng, bà sống chung với ông C trên thửa đất 1135. Năm 2012 ông C làm hợp đồng tặng cho bà thửa đất 1135 chưa làm xong thủ tục thì ông C chết. Năm 2015 bà Đ và bà Đ1 thống nhất làm thủ tục cho bà hưởng thừa kế thửa đất 1135, sau khi làm hợp đồng bà mời địa chính xuống đo đạc để cấp quyền sử dụng thì ông H ra ngăn cản cho rằng phần đất của ông là từ mí mương nước bên đất bà. Do ông H ngăn cản nên thửa đất 1135 bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn tên ông Lê Văn C. Năm 2012 ông C còn sống cũng có thưa ông H thời gian chờ giải quyết ông C bệnh chết nên bỏ qua.

Sử dụng giáp thửa đất của bà là thửa đất 1137 của ông H, khoảng 02 năm trở lại đây ông H đã lấn ranh qua cây dừa xây dựng nhà tắm sử dụng nên bà làm đơn khởi kiện ông H cho đến nay.

Hai thửa đất 1135 và thửa 1137 sử dụng có cây dừa ông C trồng làm ranh, cây dừa gia đình bên bà bẻ trái (cây dừa mới chết), đầu đất bên kia là cây dừa của ông H (ông H đang sử dụng), còn mương nước trước đây gia đình bà sử dụng để đậu ghe xuồng hiện nay mương nước đã lạng bằng, nên ông H xây nhà tắm nằm qua bên cây dừa là qua đất bà, trước đây ông H có cất 01 nhà tắm tạm sử dụng (hiện nay không còn giá trị sử dụng như Tòa án thẩm định) do nhà tắm cất tạm nên từ trước đến nay bà không có tranh chấp, còn ông H cho rằng ranh đất của ông là qua bên mương nước nhà bà là không đúng.

Nay bà đại diện hàng thừa kế của ông C yêu cầu ông H trả lại diện tích đất bằng 125,4m^2 nằm một phần trong thửa 1135, tờ bản số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho gia đình bà sử dụng. Bà yêu cầu ông H tự di dời nhà tắm, cây cột đúc có trên đất đi nơi khác, bà không đồng ý hỗ trợ tiền di dời, còn việc chia thừa kế tài sản của ông C đối với thửa 1135 bà không yêu cầu giải quyết chung cùng vụ kiện này để gia đình bà giải quyết sau.

Đối với 01 cây dừa ông C trồng trước đây để làm ranh đã chết, bà không yêu cầu ông H bồi thường.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông có sử dụng các thửa đất gồm 783, 1132, 1137, tờ bản đồ số 5, tổng diện tích bằng 14.120,8m^2 do hộ ông đứng tên quyền sử dụng, đối với thửa đất 1137 diện tích theo quyền sử dụng bằng 1.690m^2 ông có chuyển nhượng cho người khác đã tách quyền sử dụng xong còn lại diện tích 1.074,7m^2. Sử dụng giáp thửa đất với ông là thửa 1135 diện tích đất 640m^2, tờ bản số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B do ông C (cha bà K) sử dụng trước đây, ông C chết nên chuyển quyền sử dụng cho bà K đứng tên sau này, gia đình ông và ông C sử dụng trước đây không có tranh chấp và cũng không có vật gì xác định ranh, đất của ông C sử dụng từ mí mương nước trở lên như lúc Tòa án thẩm định ông chỉ ranh, mương nước tranh chấp là thuộc về bên đất ông nay mương đã lạng bằng khoảng 10 năm nay, cái mương này ngày xưa do gia đình ông đào sử dụng, đến tháng 7 năm 2016 ông xây dựng nhà tắm qua cây dừa khoảng 01 mét nên bà K đi thưa cho rằng ông lấn đất của bà.

Ngày xưa ông C có trồng 01 cây dừa như bà K trình bày, nhưng ông C trồng qua đất của ông không phải đất bên ông C, lúc trồng chỉ nói để bẻ trái ăn không phải làm ranh đất, đầu đất bên kia là cây dừa của ông vẫn còn sử dụng, bà K nói cây dừa xác định ranh đất của hai bên là không đúng, cây dừa ông C trồng lâu năm nay đã chết chứ gia đình ông không có làm chết cây dừa.

Qua khảo sát thực tế diện tích đất ông và bà K cùng thống nhất chỉ ranh có diện tích bằng 125,4m^2, nhưng diện tích đất này nằm bên đất của ông không phải bên bà K và ông cũng không phản tố yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 125,4m^2 cho ông, trên đất tranh chấp ông có xây dựng 01 nhà tắm có qua một phần chiều ngang qua đất tranh chấp là 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm, nhà tắm này ông sử dụng từ trước cho đến nay (rách nát không còn giá trị sử dụng như tòa án thẩm định) ông xác định các tài sản này là của ông. Nếu Tòa án giải quyết đất tranh chấp diện tích 125,4m^2 không phải của bên bà K để gia đình ông tính sau.

Còn diện tích tranh chấp 125,4m^2 là của bà K, phần nhà tắm xây lấn qua có chiều ngang 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm (rách nát không còn giá trị sử dụng) ông tự nguyện di dời trả lại đất cho bà K không yêu cầu bồi thường.

Ý kiến của bà Ngô Thị A trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Văn H, bà thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của ông H không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của anh Huỳnh Tấn T và chị Huỳnh Thị Huỳnh H1 cùng trình bày:

Anh, chị là con của ông Huỳnh Văn H anh chị là thành viên trong hộ ông H, anh chị không có công sức đóng góp thửa đất 1137 và tài sản trên đất. Nay không tranh chấp để cho ông H giải quyết với bà K và thống nhất cùng ông H nếu đất tranh chấp là của bà K thì di dời nhà tắm trả lại đất cho bà K, không yêu cầu hỗ trợ tiền di dời.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Huỳnh Tấn N1 trình bày:

Anh là con của ông Huỳnh Văn H là thành viên trong hộ ông H, anh không có công sức đóng góp thửa đất 1137 và tài sản trên đất. Nay không tranh chấp để cho ông H giải quyết với bà K, Nếu đất tranh chấp là của bà K thống nhất cùng ông H tự nguyện di dời nhà tắm có chiều ngang 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm (rách nát không còn giá trị sử dụng) trả lại đất cho bà K, không yêu cầu bồi thường.

Ý kiến của bà Lê Thị Đ và bà Lê Thị Đ1 cùng trình bày:

Bà Đ là chị ruột của bà K, bà Đ1 là em ruột bà K, bà Đ là con bà Nguyễn Thị H2 (chết), bà Đ1 là con của bà Tô Thị N2 (chết).

Lúc còn sống ông C sống chung với bà K và đồng ý cho bà K thửa đất 1135 để sử dụng, chưa làm thủ tục xong thì ông C chết, sau này chị em bà thống nhất ký văn bản cho bà K hưởng thừa kế thửa đất 1135 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đo đạc thì ông H ngăn cản và tranh chấp cho đến nay.

Đối với thửa đất 1135 còn tên ông Lê Văn C, nay bà không yêu cầu chia thừa kế thửa đất 1135 chung cùng vụ kiện này, thống nhất cho bà K đại diện gia đình khởi kiện ông H trả lại diện tích đất bằng 125,4m^2 nằm một phần trong thửa 1135, tờ bản số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B.

Bà Đ có mặt, bà Đ1 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai của anh Lâm Văn Đ2 trình bày:

Anh là cháu ngoại của ông C (chết), là con của bà Đ, trước đây anh có nhập khẩu vào hộ ông C. Năm 2010 anh đã cắt khẩu về bên bà Đ cũng ở ấp A, anh chỉ nhập khẩu nhờ chứ không có sống và sử dụng thửa đất 1135. Do đất ông C cấp cho hộ có tên anh là thành viên nhưng anh không liên quan đến đất, không yêu cầu chia thừa kế trong cùng vụ kiện, để cho bà K đại diện kiện ông H.

Anh Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai của Lê Thị O trình bày:

Chị là cháu nội của ông C (chết), chị không có công sức đóng góp thửa đất 1135 của ông C và ông C đã cho thửa đất 1135 cho bà K. Nay bà K tranh chấp với ông Huỳnh Văn H, chị thống nhất để cho bà K đại diện kiện ông H, chị không yêu cầu chia thừa kế trong cùng vụ kiện này.

Chị Oanh có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Diện tích 125,4m^2 đang tranh chấp là của gia đình bà K thì ông H tự di dời nhà tắm có chiều ngang 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm (rách nát không còn giá trị sử dụng) trả đất lại cho gia đình bà K, không yêu cầu bà K hỗ trợ tiền di dời.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Lê Thị K đại diện hàng thừa kế ông C yêu cầu ông Huỳnh Văn H trả lại diện tích đất bằng 125,4m^2, nằm trong thửa 1135, tờ bản đồ, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Huỳnh Văn H không có lấn chiếm diện tích đất 125,4m^2 của bà Lê Thị K nên không đồng ý trả theo yêu cầu bà K.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhập yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K: Buộc hộ ông Huỳnh Văn H tự di dời nhà tắm trả lại diện tích đất 125,4m^2, nằm 01 phần trong thửa 1135 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho bà Lê Thị K đại diện hộ ông C nhận.

Về án phí, chi phí thẩm định, định giá đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, nên căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bà Lê Thị Đ1, chị Lê Thị O, anh Lâm Văn Đ2, anh Huỳnh Tấn T và chị Huỳnh Thị Huỳnh H1 đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà K tranh chấp với ông H diện tích đất 125,4m^2 vụ việc đã được Ủy ban nhân xã B tổ chức hòa giải với diện tích 120m^2, sau khi khảo sát đo đạc lại thì diện tích tăng 5,4m^2, bà K có đơn khởi kiện bổ sung diện tích tăng 5,4m^2, xét thấy diện tích đất tranh chấp tăng không nằm bên thửa đất khác, không có tranh chấp với người khác, nên không cần thiết phải chuyển về Ủy ban xã hòa giải lại đối với diện tích tăng 5,4m^2.

[2] *Về nội dung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà K vẫn giữ yêu cầu ông H trả lại diện tích đất bằng 125,4m^2, nằm một phần trong thửa 1135, tờ bản đồ 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Lê Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn ông H không đồng ý theo yêu cầu của bà K và cho rằng không có lấn chiếm diện tích đất 125,4m^2 của bà K.

[3] Xét thấy, Bà K và ông H thống nhất diện tích đất tranh chấp là 125,4m^2 bà K cho rằng ranh đất là cây dừa ông C trồng trước đây đã chết, ông H trình bày ranh đất là mí mương nước trở lên phần đất ông C (lúc Tòa án thẩm định ông chỉ ranh), còn cây dừa là do ông C trồng nhưng nằm bên phần đất của ông thuộc thửa

1137. Qua kết quả cung cấp thông tin của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần thì diện tích đất bà K sử dụng thửa 1135, diện tích 640m^2 (thực đo 822,9m^2 chênh lệch diện tích tăng 182,9m^2), ông H sử dụng thửa liền kề 1137 sau khi đã tách ra 02 thửa 107 và thửa 108, diện tích còn lại 1.074,7m^2 (thực đo 1.438,7m^2 chênh lệch diện tích tăng 364m^2), 02 thửa đất cùng tờ bản số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Như vậy cho thấy bà K cũng như ông H sử dụng thực tế diện tích đất đều tăng so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời qua hòa giải và tại phiên tòa ông H thừa nhận khi ông C cha bà K còn sống có trồng 01 cây dừa hiện nay đã chết (ông H, bà K đều thống nhất), nhưng ông cho rằng ông C trồng cây dừa này trên phần đất ông để bẻ trái ăn chứ không phải làm ranh. Xét thấy, lời trình bày của ông H là không có căn cứ, bởi vì ông C vẫn có đất để ở và sinh hoạt thì lý do vì phải trồng nhờ cây dừa trên đất ông H để bẻ trái ăn. Qua cung cấp kết quả thông tin thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần thì phần đất tranh chấp diện tích 125,4m^2 vị trí nằm trong thửa 1135, từ đó cho thấy bà K cho rằng cây dừa làm ranh đất giữa gia đình bà với ông H là có cơ sở. Từ những nhận xét trên diện tích đất tranh chấp 125,4m^2 nằm trong thửa 1135 do hộ ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đại diện hàng thừa kế của ông C là có cơ sở.

[4] Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông H trình bày nếu diện tích đất 125,4m^2 là bên gia đình bà K ông tự nguyện di dời nhà tắm có chiều ngang 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm (rách nát không còn giá trị sử dụng) có diện tích ngang 01m, chiều dài 1m trả đất lại cho gia đình bà K không yêu cầu bà K hỗ trợ tiền di dời và thành viên hộ ông H gồm bà A, anh T, anh N1, chị H1 và chị N cùng thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông H. Sự tự nguyện của hộ ông H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bị đơn ông H không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

[6] Đối với 01 cây dừa đã chết bà K, ông H đều thống nhất do bà K không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Xét thấy ông H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì người cao tuổi được miễn án phí nên miễn toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

[8] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá*: Buộc ông Huỳnh Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 157 và Điều 165 và Điều 228, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993 và các Điều 4, 17, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K đại diện hàng thừa kế của ông Lê Văn C yêu cầu hộ ông Huỳnh Văn H trả lại diện tích đất 125,4m^2, nằm 01 phần trong thửa 1135, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Buộc hộ ông Huỳnh Văn H gồm: Ông Huỳnh Văn H, bà Ngô Thị A, chị Huỳnh Thị N, chị Huỳnh Thị Huỳnh H1, anh Huỳnh Tấn N1 và anh Huỳnh Văn T tự di dời nhà tắm có chiều ngang 1m, chiều dài 3m, 01 cây cột đúc đỡ bồn Inox 500 lít và 01 nhà vệ sinh tre lá tạm có chiều ngang 01m, chiều dài 1m (rách nát không còn giá trị sử dụng) trả lại diện tích đất 125,4m^2, nằm 01 phần trong thửa 1135 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Lê Thị K đại diện hàng thừa kế ông C nhận, đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1137 có số đo 5,3m;
- Hướng Tây giáp thửa 1134 có số đo 4,0m;
- Hướng Bắc giáp thửa 1137 có số đo 27,5m;
- Hướng Nam giáp thửa 1135 có số đo 26,8m.

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

3. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí không có giá ngạch bằng 300.000 đồng. Do ông Huỳnh Văn H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

Bà Lê Thị K không phải chịu án phí: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008167 ngày 14/11/2016; số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011511 ngày 13/7/2017; số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015417 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho bà Lê Thị K.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc ông Huỳnh Văn H phải chịu 2.516.000 đồng để hoàn trả lại cho bà Lê Thị K.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm